

Số: 101/QĐ-ĐHNH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân lớp tiếng Anh tăng cường đối với sinh viên hệ đại học chính quy tiếng Anh bán phần chất lượng cao Khóa 11 dựa vào chứng chỉ tiếng Anh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị quyết số 159/NQ-ĐHNH-HĐT, ngày 16/9/2024 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc ban hành "Quy chế chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh";

Căn cứ Quyết định số 1577/QĐ-ĐHNH, ngày 31/8/2021 của Hiệu trưởng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế quản lý học vụ đào tạo chất lượng cao trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh được ban hành theo Quyết định số 2134A/QĐ-ĐHNH ngày 02/10/2017;

Căn cứ Quyết định số 466/QĐ-ĐHNH, ngày 28/02/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1070/QĐ-ĐHNH, ngày 24/04/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và triển khai thực hiện chương trình đào tạo chất lượng cao, tiếng Anh bán phần, chương trình đào tạo đặc biệt trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông báo số: 1537/TB-ĐHNH, ngày 27/11/2024 về việc phân lớp tiếng Anh tăng cường dành cho sinh viên hệ đại học chính quy tiếng Anh bán phần (CLC) Khóa 11 và theo đề nghị của Trường Phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân lớp tiếng Anh tăng cường đối với 58 sinh viên hệ đại học chính quy tiếng Anh bán phần chất lượng cao Khóa 11 dựa vào chứng chỉ tiếng Anh sinh viên nộp tháng 7 năm 2025.

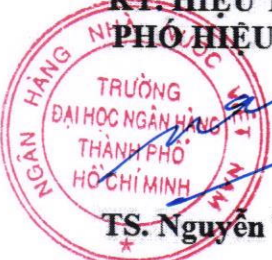
(Danh sách kèm theo)

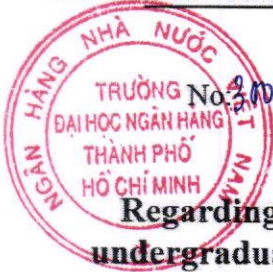
Điều 2. Các đơn vị phối hợp thực hiện theo Quyết định số 1075/QĐ-ĐHNH, ngày 08/05/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế quản lý điểm trên Hệ thống phần mềm Quản lý đào tạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trường Phòng Quản lý Đào tạo, Trường Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng, Trường phòng Tài chính - Kế toán và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Như điều 3: để thực hiện;
- Phòng KT&ĐBCL, P. TCKT;
- Lưu VP, Ban CLC.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Trần Phúc



Ho Chi Minh City, August 06 2025

DECISION

Regarding the placement of enhanced English classes for Cohort 11 regular undergraduate students enrolled in the high-quality part-time English program based on their English proficiency certificates.

RECTOR OF HO CHI MINH UNIVERSITY OF BANKING

Pursuant to Resolution No. 159/NQ-ĐHNH-HĐT (September 16th, 2024) of the Chairman of the University Council on promulgating the "Regulations on functions, duties, powers, and organizational structure of affiliated and subordinate units of Banking University Ho Chi Minh City";

Pursuant to Decision No. 1577/QĐ-ĐHNH (August 31th, 2021) of the Rector on amending and supplementing a number of articles of the academic management regulations for high-quality undergraduate training programs at Banking University Ho Chi Minh City issued under Decision No. 2134A/QĐ-ĐHNH dated October 2, 2017;

Pursuant to Decision No. 466/QĐ-ĐHNH (February 28th, 2024) of the Rector on promulgating the Regulations on organization and management of undergraduate training at Banking University Ho Chi Minh City;

Pursuant to Decision No. 1070/QĐ-ĐHNH (April 24th, 2024) of the Rector on promulgating the Regulations on organization and implementation of high-quality training programs, partial English programs, and special undergraduate training programs at Banking University Ho Chi Minh City;

Pursuant to Announcement No. 1537/TB-ĐHNH, (November 27th, 2024), regarding the placement of enhanced English classes for Cohort 11 regular undergraduate students enrolled in the high-quality part-time English program (CLC), and based on the recommendation of the Head of the Department of Academic Affairs.

DECIDES:

Article 1. Placement of enhanced English classes for 58 students of Cohort 11 in the regular undergraduate high-quality part-time English program based on the English certificates submitted by students in July 2025.

(Attached list)

Article 2. Relevant units shall coordinate implementation in accordance with Decision No. 1075/QĐ-ĐHNH, (May 8, 2019), issued by the Rector regarding the promulgation of the Regulations on grade management in the Academic Management Software System.

Article 3. Chief of the Office, Heads of the Department of Academic Affairs, Head of the Department of Testing and Quality Assurance, Head of the Finance and Accounting Department, and the student mentioned in Article 1 are responsible for implementing this Decision.

Recipients:

- Rector and Vice Rectors (for reporting);
- As Article 3 (for implementation);
- DTQA, DFA;
- Archives: CLC Office, GAO.

**SIGN ON BEHALF OF. RECTOR
VICE RECTOR**

(Signed)

Nguyen Tran Phuc

DANH SÁCH PHÂN LỚP TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG DÀNH CHO SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY TIẾNG ANH BẢN PHẦN (CLC) KHÓA 11 DỰA VÀO CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH NỘP ĐÓT THÁNG 7 NĂM 2025



(Bản hành kèm theo Quyết định: 3002 /QĐ-ĐHNH, ngày 06 / 8 /2025 của Hiệu trưởng)

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SH	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			Ghi chú
						VSTEP HUB (4/6)	IELTS >=5.5	TOEFL (IBT) >=61	
Sinh viên được miễn cấp độ 7									
1	050611230465	Võ Hoàng Lê	Kha	06/04/2005	HQ11-MAG05	X			
2	050611230018	Trần Lê Phước	An	10/06/2005	HQ11-BAF07	X			
3	050611230033	Bùi Thị Vân	Anh	07/11/2005	HQ11-BAF19	X			
4	050611230092	Bùi Thị Ngọc	Ánh	15/01/2005	HQ11-BAF07	X			
5	050611230180	Ngô Xuân	Danh	11/04/2005	HQ11-BAF13	X			
6	050611230217	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	17/08/2005	HQ11-BAF21	X			
7	050611230279	Phạm Việt	Hà	25/06/2005	HQ11-MAG07	X			
8	050611230292	Lê Ngọc	Hân	24/06/2005	HQ11-BAF08	X			
9	050611230296	Lý Ngọc	Hân	29/02/2004	HQ11-BAF02		X		
10	050611230327	Hán Thị	Hằng	29/01/2005	HQ11-BAF04	X			
11	050611230440	Từ Quốc	Huy	30/03/2005	HQ11-ACC03	X			
12	050611230423	Lai Gia	Huy	18/04/2005	HQ11-BAF11		X		
13	050611230445	Hồ Thị Thu	Huyền	13/06/2005	HQ11-MAG02	X			
14	050611230463	Lê Trần Nguyên	Kha	14/08/2005	HQ11-BAF09	X			
15	050611230475	Lê Đức	Khang	22/06/2005	HQ11-BAF16	X			
16	050611230513	Mạc Phương	Khuê	17/07/2005	HQ11-MAG06	X			
17	050611230524	Châu Hải	Lam	29/01/2005	HQ11-MAG02	X			
18	050611230587	Tổng Khánh	Linh	13/05/2005	HQ11-BAF15	X			
19	050611230629	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	14/08/2005	HQ11-ACC04	X			
20	050611230632	Trịnh Xuân	Mai	14/11/2005	HQ11-BAF18		X		
21	050611230638	Nguyễn Lê Đức	Mạnh	28/11/2005	HQ11-BAF19	X			
22	050611230719	Lê Huỳnh Thanh	Ngân	28/03/2005	HQ11-MAG07	X			



STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SH	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			Ghi chú
						VSTEP HUB (4/6)	IELTS ≥5.5	TOEFL (IBT) ≥61	
23	050611230712	Đỗ Nguyễn Mai	Ngân	17/08/2005	HQ11-BAF02	X			
24	050611230751	Phan Ngọc Kim	Ngân	01/05/2005	HQ11-BAF19	X			
25	050611230765	Trần Nguyễn Hiếu	Nghi	05/12/2005	HQ11-BAF09	X			
26	050611230759	Hồ Nhật Tổ	Nghi	18/01/2005	HQ11-MAG01		X		
27	050611230791	Nguyễn Hồng	Ngọc	13/01/2005	HQ11-BAF14	X			
28	050611230785	Mai Khánh	Ngọc	22/07/2005	HQ11-BAF10	X			
29	050611230786	Nguyễn Bích	Ngọc	05/06/2005	HQ11-BAF10	X			
30	050611230779	Đỗ Yến	Ngọc	08/01/2005	HQ11-BAF05	X			
31	050611230830	Nguyễn Thị	Nguyên	20/11/2005	HQ11-MAG03	X			
32	050611230822	Đỗ Hồ Thảo	Nguyên	11/09/2005	HQ11-MAG05	X			
33	050611230827	Nguyễn Hoàng Thảo	Nguyên	26/09/2005	HQ11-BAF05	X			
34	050611230887	Nguyễn Thị Yến	Nhi	08/11/2005	HQ11-MAG06	X			
35	050611230863	Đặng Linh	Nhi	25/12/2003	HQ11-MAG05	X			
36	050611230867	Huỳnh Ngọc Yến	Nhi	28/05/2005	HQ11-BAF02	X			
37	050611230925	Lư Tâm	Như	31/05/2005	HQ11-ACC02	X			
38	050611230926	Mai Quỳnh	Như	07/06/2005	HQ11-MAG06	X			
39	050611230949	Trương Huỳnh	Như	14/04/2005	HQ11-MAG05	X			
40	050611231013	Ngô Thị Xuân	Phương	06-08-2025	HQ11-BAF03	X			
41	050611231029	Trần Thúy	Phượng	13/11/2005	HQ11-BAF20		X		
42	050611231032	Nguyễn Hữu Anh	Quân	25/01/2005	HQ11-BAF05	X			
43	050611231051	Phan Thị Mỹ	Quyên	23/10/2005	HQ11-BAF09	X			
44	050611231127	Nguyễn Huỳnh Lê	Thanh	06/02/2005	HQ11-BAF21		X		
45	050611231159	Phan Thị Thu	Thảo	21/03/2005	HQ11-BAF05	X			
46	050611231150	Mai Thanh	Thảo	22/03/2004	HQ11-BAF19	X			
47	050611231143	Hoàng Thanh	Thảo	08/10/2005	HQ11-MAG03	X			
48	050611231172	Nguyễn Thị Anh	Thi	04-10-2025	HQ11-BAF17	X			
49	050611231224	Nguyễn Thị Minh	Thư	01/01/2005	HQ11-MAG06	X			
50	050611231271	Nguyễn Hoàng Nhật	Thủy	16/11/2005	HQ11-BAF10	X			

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SH	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			Ghi chú
						VSTEP HUB (4/6)	IELTS ≥5.5	TOEFL (IBT) ≥61	
51	050611231409	Vũ Thị Thùy	Trang	09/03/2005	HQ11-MAG07	X			
52	050611231390	Lê Vũ Thuỳ	Trang	14/09/2005	HQ11-BAF11	X			
53	050611231421	Đỗ Hạnh	Trinh	17/07/2005	HQ11-BAF02	X			
54	050611231488	Phạm Thị Bích	Tuyền	14/09/2005	HQ11-BAF06			X	
55	050611231506	Ngô Nguyễn Hoàng	Uyên	18/02/2004	HQ11-BAF02	X			
56	050611231589	Nguyễn Thị Ái	Vy	14/03/2005	HQ11-BAF19	X			
57	050611231604	Trần Đoàn Thị Yến	Vy	25/10/2005	HQ11-MAG04	X			
58	050611231585	Nguyễn Phan Anh	Vy	06/06/2005	HQ11-BAF08	X			

Tổng số: 58 sinh viên

(Signature)



LIST OF ENGLISH ENHANCEMENT CLASS PLACEMENTS FOR FULL-TIME UNDERGRADUATE STUDENTS IN THE HIGH-QUALITY ENGLISH-PARTIAL PROGRAM – INTAKE 11, BASED ON ENGLISH CERTIFICATES SUBMITTED IN JULY 2025

(Issued together with Decision No.: 3002/QĐ-DHNH, (June 6/8 2025 by the Rector)

No.	Student ID	Full Name	Date of Birth	Class	ENGLISH CERTIFICATE			Remarks	
					VSTEP HUB (4/6)	IELTS ≥5.5	TOEFL (IBT) ≥61		
Students are exempted Level 7									
1	050611230465	Vo Hoang Le	Kha	06/04/2005	HQ11-MAG05	X			
2	050611230018	Tran Le Phuoc	An	10/06/2005	HQ11-BAF07	X			
3	050611230033	Bui Thi Van	Anh	07/11/2005	HQ11-BAF19	X			
4	050611230092	Bui Thi Ngoc	Anh	15/01/2005	HQ11-BAF07	X			
5	050611230180	Ngo Xuan	Danh	11/04/2005	HQ11-BAF13	X			
6	050611230217	Nguyen Thi My	Dung	17/08/2005	HQ11-BAF21	X			
7	050611230279	Pham Viet	Ha	25/06/2005	HQ11-MAG07	X			
8	050611230292	Le Ngoc	Han	24/06/2005	HQ11-BAF08	X			
9	050611230296	Ly Ngoc	Han	29/02/2004	HQ11-BAF02		X		
10	050611230327	Han Thi	Hang	29/01/2005	HQ11-BAF04	X			
11	050611230440	Tu Quoc	Huy	30/03/2005	HQ11-ACC03	X			
12	050611230423	Lai Gia	Huy	18/04/2005	HQ11-BAF11		X		
13	050611230445	Ho Thi Thu	Huyen	13/06/2005	HQ11-MAG02	X			
14	050611230463	Le Tran Nguyen	Kha	14/08/2005	HQ11-BAF09	X			
15	050611230475	Le Duc	Khang	22/06/2005	HQ11-BAF16	X			
16	050611230513	Mac Phuong	Khue	17/07/2005	HQ11-MAG06	X			
17	050611230524	Chau Hai	Lam	29/01/2005	HQ11-MAG02	X			
18	050611230587	Tong Khanh	Linh	13/05/2005	HQ11-BAF15	X			
19	050611230629	Nguyen Thi Ngoc	Mai	14/08/2005	HQ11-ACC04	X			
20	050611230632	Trinh Xuan	Mai	14/11/2005	HQ11-BAF18		X		
21	050611230638	Nguyen Le Duc	Manh	28/11/2005	HQ11-BAF19	X			
22	050611230719	Le Huynh Thanh	Ngan	28/03/2005	HQ11-MAG07	X			

No.	Student ID	Full Name		Date of Birth	Class	ENGLISH CERTIFICATE			Remarks
						VSTEP HUB (4/6)	IELTS ≥5.5	TOEFL (IBT) ≥61	
23	050611230712	Do Nguyen Mai	Ngan	17/08/2005	HQ11-BAF02	X			
24	050611230751	Phan Ngoc Kim	Ngan	01/05/2005	HQ11-BAF19	X			
25	050611230765	Tran Nguyen Hieu	Nghi	05/12/2005	HQ11-BAF09	X			
26	050611230759	Ho Nhat To	Nghi	18/01/2005	HQ11-MAG01		X		
27	050611230791	Nguyen Hong	Ngoc	13/01/2005	HQ11-BAF14	X			
28	050611230785	Mai Khanh	Ngoc	22/07/2005	HQ11-BAF10	X			
29	050611230786	Nguyen Bich	Ngoc	05/06/2005	HQ11-BAF10	X			
30	050611230779	Do Yen	Ngoc	08/01/2005	HQ11-BAF05	X			
31	050611230830	Nguyen Thi	Nguyen	20/11/2005	HQ11-MAG03	X			
32	050611230822	Do Ho Thao	Nguyen	11/09/2005	HQ11-MAG05	X			
33	050611230827	Nguyen Hoang Thao	Nguyen	26/09/2005	HQ11-BAF05	X			
34	050611230887	Nguyen Thi Yen	Nhi	08/11/2005	HQ11-MAG06	X			
35	050611230863	Dang Linh	Nhi	25/12/2003	HQ11-MAG05	X			
36	050611230867	Huynh Ngoc Yen	Nhi	28/05/2005	HQ11-BAF02	X			
37	050611230925	Lu Tam	Nhu	31/05/2005	HQ11-ACC02	X			
38	050611230926	Mai Quynh	Nhu	07/06/2005	HQ11-MAG06	X			
39	050611230949	Truong Huynh	Nhu	14/04/2005	HQ11-MAG05	X			
40	050611231013	Ngo Thi Xuan	Phuong	06-08-2025	HQ11-BAF03	X			
41	050611231029	Tran Thuy	Phuong	13/11/2005	HQ11-BAF20		X		
42	050611231032	Nguyen Huu Anh	Quan	25/01/2005	HQ11-BAF05	X			
43	050611231051	Phan Thi My	Quyen	23/10/2005	HQ11-BAF09	X			
44	050611231127	Nguyen Huynh Le	Thanh	06/02/2005	HQ11-BAF21		X		
45	050611231159	Phan Thi Thu	Thao	21/03/2005	HQ11-BAF05	X			
46	050611231150	Mai Thanh	Thao	22/03/2004	HQ11-BAF19	X			
47	050611231143	Hoang Thanh	Thao	08/10/2005	HQ11-MAG03	X			
48	050611231172	Nguyen Thi Anh	Thi	04-10-2025	HQ11-BAF17	X			
49	050611231224	Nguyen Thi Minh	Thu	01/01/2005	HQ11-MAG06	X			
50	050611231271	Nguyen Hoang Nhat	Thuy	16/11/2005	HQ11-BAF10	X			



No.	Student ID	Full Name		Date of Birth	Class	ENGLISH CERTIFICATE			Remarks
						VSTEP HUB (4/6)	IELTS ≥5.5	TOEFL (IBT) ≥61	
51	050611231409	Vu Thi Thuy	Trang	09/03/2005	HQ11-MAG07	X			
52	050611231390	Le Vu Thuy	Trang	14/09/2005	HQ11-BAF11	X			
53	050611231421	Do Hanh	Trinh	17/07/2005	HQ11-BAF02	X			
54	050611231488	Pham Thi Bich	Tuyen	14/09/2005	HQ11-BAF06			X	
55	050611231506	Ngo Nguyen Hoang	Uyen	18/02/2004	HQ11-BAF02	X			
56	050611231589	Nguyen Thi Ai	Vy	14/03/2005	HQ11-BAF19	X			
57	050611231604	Tran Doan Thi Yen	Vy	25/10/2005	HQ11-MAG04	X			
58	050611231585	Nguyen Phan Anh	Vy	06/06/2005	HQ11-BAF08	X			

Total: 58 students